

em là tôi và Thiên phải đi học trường huyện cách nhà hơn chục cây số vì ở xã hồi ấy không có trường cấp hai. Mỗi tuần lễ mẹ cho hai chị em mười lon sữa bò gạo, một chai tương cua, để ăn mỗi ngày một bữa trưa, tối và sáng phải nhịn. Thỉnh thoảng chị chủ nhà thương tình cho mấy củ khoai luộc ăn vào bữa sáng. Thấy mẹ tôi vất vả quá, họ hàng, bạn bè khuyên mẹ cho tôi nghỉ học, để phụ giúp mẹ buôn bán, kiếm sống. Nhưng mẹ tôi bảo: “Cho các con đi học là ước vọng của chồng tôi, nay anh ấy mất rồi, dù đói khổ khó khăn đến đâu, tôi cũng cố gắng thực hiện cho được.”

Đúng như mẹ tôi nói, cho con cái học hành là nỗi khát vọng cháy bỏng của cha tôi. Riêng với Mai Thiên, cha tôi còn mong mỗi làm sao cho em biết tự rèn luyện, để trưởng thành. Điều đó được cha tôi ghi trong cuốn nhật ký “Ở rừng” như sau “...*Thiên ơi! Cha sẽ mạnh dạn ném con vào cuộc đời, và cuộc đời sẽ luyện con nhanh chóng hơn cha luyện. Con sẽ không chết. Con sẽ thành cứng rắn...*” Đúng như sự mong đợi của cha tôi. Mai Thiên, từ cậu bé gầy còm ốm yếu đã đổi khác. Thuở nhỏ mẹ tôi phải bế đi hết bệnh này, đến thầy thuốc kia chạy chữa để giữ được mạng sống cho cậu. Nhưng chỉ mới mười tuổi đầu đã phải xa người thân, một mình theo đường dây liên lạc của Cơ quan văn nghệ Việt Nam, lên chiến

khu Việt Bắc, rồi sang tận trường thiếu nhi Việt Nam ở Quế Lâm - Trung Quốc học tập. Đó là vào năm 1952. Rồi bốn năm sau, mới mười bốn tuổi, từ Trung Quốc lại về gia đình, học ở trường huyện, cách nhà hơn mười cây số, với những thiếu thốn đủ đường. Nhưng Thiên là người thích ứng rất nhanh với hoàn cảnh. Chẳng bao giờ cậu tỏ ra băn khoăn về những đói rách khổ cực, chỉ lo học hành nên cậu đạt được kết quả rất cao trong học tập, trong rèn luyện. Tốt nghiệp cấp hai, ở huyện không có trường cấp ba, Mai Thiên chuyển đến học tiếp ở Trường cấp ba Lê Hồng Phong - Nam Định. Còn tôi nghỉ học đi làm giúp mẹ. Suốt ba năm học ở trường cấp ba Lê Hồng Phong, Thiên rủ thêm hai người bạn cùng hoàn cảnh với mình, trọ trong nhà ông bác nuôi của chúng tôi, đang làm nghề kéo xe ba gác. Gọi là nhà cho sang, chú thực ra đó là một túp lều tranh, trong một con ngõ hẻm. Tối tối, ba anh học trò nghèo rủ nhau ra ngồi dưới những cái cột đèn đường để lấy ánh sáng học bài. Trong gian lều họ trọ đâu có điện. Rồi hàng tuần ba người thay nhau đi kéo xe ba gác, chở đất thuê lấy tiền ăn học. Cứ lên lớp học hai ngày, lại nghỉ một ngày để đi làm. Tuy vậy, Thiên vẫn học rất giỏi. Tốt nghiệp cấp ba, Thiên đạt điểm cao, được chọn đi học đại học tại Liên Xô. Học xong đại học, Thiên được nhà trường cho ở lại làm luận

văn phó tiến sĩ ngay, và đã bảo vệ thành công học vị phó tiến sĩ, sau ba năm nghiên cứu ở nước Bạ. Cầm tám bằng phó tiến sĩ về nước, tài sản của Thiên là những va ly đầy sách. Số sách Thiên mua được, một phần do tích góp trong những năm học tập, một phần là do Thiên lĩnh được tiền nhuận bút của cha tôi in tại Liên Xô.

Sau một tháng sống cùng gia đình ở nơi sơ tán: xã Xuân Khê, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, Thiên trở về Hà Nội. Thay vì nhận nhiệm vụ ở một trường danh tiếng ngay tại thủ đô, theo gợi ý của cán bộ phân bổ công tác, Thiên xin về làm việc ở trạm nuôi cá nước ngọt, đóng trên một huyện của tỉnh Hà Bắc. Chính tại nơi đây là những năm tháng tiếp tục rèn luyện và có những cống hiến đầu tiên của người cán bộ khoa học trẻ, nghề cá. Với mong muốn thật giản dị, là đem những kiến thức thu được, trong những năm học tập, miệt mài vừa qua, để nuôi thật nhiều cá ngon góp vào bữa ăn của người dân lam lũ quê mình, trong đó có những người thân yêu nhất. Do vậy, Thiên đã lao động hết mình trong môi trường mới. Một lần cô em dâu, đến thăm anh chồng vài ngày tại cơ quan. Khi về nhà cô thủ thỉ với mẹ chồng: “Con tưởng anh Thiên là phó tiến sĩ, thì phải làm việc bàn giấy, ở một văn phòng quan trọng chứ! Đảng này,

suốt ngày con toàn thấy anh lội ao, chăm cá...” Rồi sau mấy năm “lội ao chăm” như thế Thiên trở lại Liên Xô làm nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án tiến sĩ. Bảo vệ luận án xong, tiến sĩ Trần Mai Thiên về nước, hành lý vẫn là mấy va ly sách. Vì thế, lúc cưới vợ vào năm 1975 xong, hai vợ chồng dẫn nhau về Nam Định thăm gia đình, chị em ngồi nói chuyện, tôi hỏi Thiên về chỗ ở, cô vợ nhanh nhẩu đỡ lời chồng: “Chúng em chỉ mong sao có một cái gầm cầu thang để tá túc thôi chị ạ”.

Nhưng mà cuộc đời cũng thật công bằng. Những quyết tâm trong học hành và sự lao động hết mình cho khoa học của Thiên, rồi cũng được đền bù xứng đáng. Cha tôi nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về những cống hiến cho văn học Việt Nam đợt đầu vào năm 1996. Thì Mai Thiên cũng được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về những cống hiến cho khoa học nghệ cá của nước nhà vào năm 2000. Và những kiến thức mà Thiên tích lũy được, bằng chính sự lao động nghiêm túc của bản thân, chẳng những góp phần làm lợi cho nhà nước, cho nhân dân, mà nó còn giúp Thiên kiếm được những đồng tiền chân chính, để tạo dựng cho cuộc sống của bản thân và vợ con sung túc hơn. Bây giờ Thiên đã có nhà cửa khang trang, không còn phải ao ước cái gầm cầu thang của người ta nữa.

Chắc bây giờ ở nơi chín suối, cha tôi cũng mỉm cười mà rằng: “Ta ném con ta vào cuộc đời là đúng!”.

Còn tôi đi làm một năm. Sau đó, đến năm 1959 lại thi vào Trường trung cấp kỹ thuật 3 đóng tại Nam Định. Học ở đây tôi được học bổng mỗi tháng 22 đồng, nên không phải xin tiền mẹ. Năm 1962 tôi tốt nghiệp ra trường, làm việc tại Nhà máy Dệt lụa Nam Định. Tôi lấy chồng và sang năm 1963, tôi sinh con trai vào tháng mười. Mẹ tôi được nhận chút tiền nhuận bút của cha tôi, mẹ mua cái nhà tranh ba gian chỗ xuống Nam Định, dựng trên mảnh đất của nhà máy cấp cho tôi. Rồi mẹ đưa hai em Thành, Thực đến đó ở cùng chúng tôi vào năm 1964. Nhưng cái nhà đó, chúng tôi chỉ ở được sáu tháng, thì Mỹ ném bom miền Bắc, cả nhà phải đi sơ tán. Thế là chúng tôi lại phải bỏ nhà ra đi. Cuộc đời ăn đợ, ở nhờ lại tiếp diễn. Và tiếp tục với những ngày bom đạn rình rập. Nghèo túng cũng không buông tha. Hai vợ chồng trẻ với đồng lương ít ỏi, cơ quan mỗi người sơ tán mỗi nơi, chia năm sẻ bảy, tốn kém. Hai em Thành, Thực phải rẽ ngang: Thành đi làm công nhân nhà máy thủy điện Thác Bà. Thực đi học trung cấp gỗ ở Hà Bắc, rồi đi bộ đội. Nhà chúng tôi bị bom Mỹ ném trúng, nên nhà là một hố bom sâu hoắm, to tướng. Kèo cột bày tứ

tung mỗi thứ mỗi nơi. Đi làm đến tan ca tôi về lại nhà cũ, gom nhặt những mẩu củi cháy dở, để chờ về nơi sơ tán đụn. Đi thuê người chở, nhưng không ai dám vào, vì nơi đấy xung quanh toàn nhà máy, họ sợ gặp Mỹ bỏ bom. Tôi phải một mình khuân củi ra cách xa mấy chục mét mới thuê được người chở. Mẹ tôi nói vui: “Thôi thế là tiền của bố mày, lại trả hết cho bố mày rồi còn đâu?”

Năm 1965 tôi sinh con gái, chồng tôi đi học ở Hà Nội. Tôi cũng theo học tại chức đại học. Nhà máy tôi làm cách trường mấy chục cây số, gia đình sơ tán một nơi, tôi học một nơi, làm việc một nơi khác. Minh mẹ tôi không kham nổi hai cháu, tôi xin chuyển về làm giáo viên Trường trung cấp kỹ thuật Dệt, sơ tán tại Xuân Khê, Lý Nhân để kết hợp chăm con cùng bà.

Khi cha tôi hy sinh, mẹ tôi mới ba lăm tuổi. Cha mẹ tôi lấy nhau được mười tám năm. Nhưng hai người thực sự sống bên nhau chỉ khoảng vài năm. Do vậy mỗi phút giây gần gũi vô cùng quý giá. Sự khao khát đó đã làm cho cha tôi giận dữ khi Người về nhà mà mẹ tôi lại đi làm vắng. Vì vậy, mỗi khi cha tôi về, mẹ tôi kiếm những công việc làm ở gần để được ở bên cha tôi như: may vá quần áo, xay thóc giã gạo hoặc chăm bón cây cối

ngay trồng vườn. Trong chiến tranh, tuy con còn rất nhỏ, nhưng mỗi lần cha tôi ra đi, mẹ vẫn tiễn cha một chặng đường dài. Hai người chệnh nhau về trình độ học thức mà sống với nhau khá hạnh phúc. Nghe mẹ tôi kể, trong mười tám năm chung sống, chỉ có một lần xô xát tương đối lớn. Đó là vào năm mẹ tôi mới hai mươi bốn tuổi và mới được một mình tôi, hai tuổi. Nguyên nhân của trận xô xát đó, là do cha tôi ghét cờ bạc và Người cũng hay ghen. Thời gian đó, cha tôi dạy học ở Hà Nội. Mẹ tôi vẫn ở quê. Nhà ông bà ngoại tôi ở gần, nên mẹ thường xuyên qua lại làm việc cho ông bà. Rồi nhiều hôm ở lại ăn cơm luôn. Có một lần, do nhầm lẫn sao đó, người giúp việc, mẹ thuê để bế tôi, đã nói đến tai bà nội là mẹ tôi đánh bạc. Dịp hè cha tôi về, bà nội tôi đem chuyện kể với cha tôi, hai người cãi nhau một trận ra trò. Cuộc chiến đó được cha tôi mượn hai nhân vật Thứ và Liên trong tiểu thuyết “Sống mòn” tả lại như sau:

... “*Bà hạ giọng thật thấp:*

- *Này mày ạ! Hình như lớp này cô ấy cũng đánh bạc ra việc đấy! Mà phỏng chừng như thua, nên gắt như mắ m thôi, mà rạc người đi, trông như con khỉ ấy.*

Thứ ôn tồn bênh vợ, nhưng bà mẹ nhăn mặt bảo:

- Khốn nạn! Ai nói tôi cũng chẳng tin, nhưng chính con ở nhà nó nói, thì còn sai làm sao được nữa!...

Trong người Thứ đột nhiên như có một cái gì sụp đổ. Y tối tăm mặt mũi. Cổ y nghẹn lại. Y không còn nói được. Bà mẹ trông thấy con tím mặt, đoán một cơn giông bão sắp bùng ra, hơi hồi hận. Bà vội can y.

- Nhưng mà thỉnh thoảng nó mới đánh chơi một lần thế cũng chẳng sao. Chỉ sợ nó quen đi, tôi bảo anh để anh bảo ban nó qua loa... Đừng làm âm ĩ lên mà người ta cười cho đấy.

- Ai cười thì cười! Con nhất định không tha cho nó...

Liên chợp về, y mua được một mẻ cá rô và hai chục bánh đa, định để nấu canh. Y hí hửng nghĩ rằng chắc chồng sẽ vừa lòng. Muốn khoe chồng, và có lẽ đó cũng là một cách làm duyên. Y tươi cười gọi chồng ra nâng đôi cho y. Thứ nháy xỏ ra. Y hất tay một cái, cái thúng đổ ụp về phía sau Liên. Liên mới kịp ngạc nhiên. Một cái tát đã giáng mạnh vào má Liên, khiến y lạng người đi một cái. Y gượng lại, nghẹn ngào nhìn chồng một thoáng, rồi vùng chạy sang nhà mẹ đẻ...

Thứ tưởng như mình sắp tự tử ngay. Y vừa nức nở. Liên lại xông xô chạy về. Thứ nghe thấy Liên vừa thở vừa xa xa nói bên ngoài cửa:

- *Người hay thật! Tôi có tội gì cũng phải nói cho tôi biết chứ! Rồi muốn đánh thì đánh, muốn chửi thì chửi, muốn đâm, muốn chém, muốn bằm vằm ra tôi cũng chịu...*

Nhưng ngay sau đấy cha tôi rất hối hận, ông mô tả sự hối hận đó như sau: "... Ngay sau khi tát vợ xong, nổi tức giận trút ra rồi, y đã nghĩ ngay rằng Liên có thể bị oan uổng lắm... lại chính lúc y nguyên rửa và đau đớn, y nhận ra rằng y yêu Liên đến bậc nào... Liên thật là một người vợ yêu chồng và ngoan ngoãn. Liên cực khổ vì y rất nhiều nhưng bao giờ cũng vui lòng, chẳng bao giờ Liên so sánh mình với người nọ, người kia... và Liên đã nhịn Thứ, đã chiều Liên biết bao nhiêu mà kể! Nếu không phải vì yêu thì còn có thể vì gì? (Những lời đối thoại trên thật đúng với khẩu khí của bà và mẹ tôi)

Theo mẹ tôi kể thì từ lần ấy trở đi, hai người không bao giờ to tiếng nữa. Mẹ tôi vẫn nói: "Trong cuộc đời làm vợ, người rất cực khổ thiếu thốn về vật chất, nhưng sống bên cha tôi, mẹ luôn vô cùng hạnh phúc. Bởi mẹ được bù đắp về tinh thần. Cha tôi luôn dành cho mẹ tình yêu thương dịu dàng và nồng nàn. Vì vậy, khi cha tôi hy sinh, mẹ vẫn còn xuân sắc. Ở làng, rồi cả ở cơ quan nhà nước cũng có người muốn cưới mẹ tôi làm vợ. Nhưng mẹ tôi bảo:

“Với mẹ, chẳng ai sánh được với cha, chẳng ai làm mẹ quên được hình ảnh cha các con”. Mẹ không yêu được bất cứ ai ngoài cha tôi và để cho tình yêu đó trọn vẹn, mẹ sẽ quyết một lòng thực hiện bằng được ước nguyện của cha tôi là, nuôi dạy bốn con khôn lớn trưởng thành, cho con học hành tử tế, và hướng cho con biết sống xứng đáng với truyền thống gia đình, xứng đáng là con của người liệt sĩ cách mạng. Cho nên mặc dầu rất yêu thương con, mẹ có thể nhịn ăn, nhịn mặc để nuôi con, nhưng, mẹ tôi cực kỳ nghiêm khắc trong việc dạy dỗ các con.

Mẹ tôi bận rộn suốt ngày để kiếm sống, hay vắng nhà. Các con thiếu vắng cha như người ta bảo: “Con không cha, như nhà không nóc” và luôn xa mẹ, nhưng hình bóng cha, mẹ đã in đậm trong tâm trí chúng tôi, dìu dắt chúng tôi từng bước, từng bước tiến kịp những người còn đủ cả cha lẫn mẹ. Và hơn thế nữa chúng tôi biết vượt lên hoàn cảnh của số phận để sống xứng đáng với sự chăm lo của mẹ. Khi chúng tôi trưởng thành. Người lại lần lượt chăm các cháu. Rồi đến năm 1989 con trai tôi lấy vợ, có con, cụ lại đến chăm chắt được một thời gian. Sau đó, mẹ tôi bị ốm, chúng tôi mới đón được mẹ về.



Con gái Trần Thị Hồng và các chắt ngoại.

Khác với cha tôi, mẹ tôi ít được học hành. Nhưng đời bà là cả một chuỗi ngày sống vì chồng, vì con, vì cháu, vì chắt. Người ra đi vĩnh viễn vào ngày 30 tháng 7 năm 2002, sau khi đã thực hiện trọn vẹn hai điều nguyện ước là:

- Nuôi dạy các con nên người.

- Tìm được mộ chồng để mang về an táng tại quê hương.

Hôm nay, ghi lại mấy dòng này về mẹ, tôi chắc rằng ở dưới suối vàng, mẹ tôi đã mỉm cười, vì được gặp lại cha tôi sau gần năm mươi một năm, hai người ly biệt.

Nam Định, ngày 29 tháng 3 năm 2005

CHA TÔI - NHÀ VĂN NAM CAO

Những ngày thơ ấu và thời trai trẻ

Cha tôi sinh ngày 29 tháng 10 năm 1915, tên thật là Trần Hữu Tri bút danh Nam Cao, tên thánh là Giê-su Trần Hữu Tri. Quê quán làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, phủ Nam Sang. Nay là xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Cha tôi là con cả của ông nội tôi: ông Trần Hữu Huệ. Ông là con cụ Trần Hữu Trung. Người làng thường gọi cụ là cụ “đồ Trung” vì cụ là thầy đồ nho, kiêm chữa bệnh bằng thuốc bắc. Khi phong trào cần vương bùng nổ. Cụ tôi cùng một số bạn hữu trong làng mở trường tự dạy học nuôi ý chí làm nên sự nghiệp lớn. Nhưng công việc của các cụ chưa thành đã bị bại lộ. Bọn giặc đàn áp dã man. Các cụ phiêu bạt mỗi người mỗi nơi. Cụ tôi đem cả gia đình dạt đến xã Phúc Nhạ, Phát Diệm, Ninh Bình lánh nạn rồi ở luôn đó đến hết đời.

Khi ông nội tôi mới mười bốn tuổi, cụ đưa ông trở về quê với mong muốn, sau này lớn lên sẽ thay cha nối nghiệp nhà. Cụ tôi đem gửi ông tôi ở thôn Cao Đà là nơi nổi tiếng về nghề mộc ở trong hàng tổng và cả nước, để ông được học nghề và cụ còn truyền nghề thuốc cho ông. Thời đó các công trình xây dựng nhà ở, đình chùa, miếu mạo to lớn ở xứ Bắc Kỳ hầu như đều có bàn tay của người thợ mộc Cao Đà. Ngay ở Sài Gòn cũng có một số thợ Cao Đà di cư vào. Họ sản xuất ra các dụng cụ đồ gỗ khá nổi tiếng. Người dân quê tôi bao đời lưu truyền câu ca dao, ai ai cũng thuộc. Các bà lấy làm bài hát mỗi khi ru con ngủ

“Đòn rỗng thợ mộc Cao Đà

Làm cầu, làm cống làm nhà khéo tay

Cát kèo lại lựa đòn tay

Bào trơn, đóng bén, tinh hay mọi nghề”

Cha tôi bắt đầu đi học từ năm 1922 ở trường làng. Người thầy đầu tiên của cha tôi là cụ Trần Khang Lân, dân làng quen gọi là cụ “ký Lân”. Cụ Lân bôn ba nhiều nơi, từng làm thợ mỏ ở vùng núi Tuyên Quang, nhưng không chịu được cảnh tận mắt nhìn thấy người ngoại bang vợ vét của cải nước mình mang đi, mà bản thân mình không làm gì được. Cụ quay về làng mở trường tư dạy học. Cụ là người to cao, đẹp trai, nói tiếng Pháp lầu lầu

như gió. Cụ còn thuộc rất nhiều thơ và kể chuyện rất có duyên. Mỗi khi cụ nói, miệng tươi như cười, đã chinh phục bao tâm hồn trong sáng của các học trò. Ngôi trường đầu tiên, người thầy đầu tiên là kỷ niệm đẹp đầu tiên trong cuộc đời của cha tôi.

Học ở trường làng chỉ ba năm, sau đó cha tôi được ông nội tôi đem xuống Nam Định học trường Cửa Bắc. Lúc này cũng có vài bạn học cùng quê là ông Bao, thầy Phấn xuống học ở đây. Ông nội tôi kể ngay từ những ngày mới học lớp nhất của trường tiểu học, cha tôi đã tỏ rõ là người có năng khiếu văn chương và rất thích học môn văn. Ông nội tôi cũng biết chữ quốc ngữ, ông từng làm thuê cho một tờ báo tư nhân ở Hà Nội. Tính ông cởi mở hay chuyện chứ không rụt rè kiệm lời như cha tôi. Ông bảo cha tôi cứ ở trường vừa về đến nhà là lại ngồi đọc sách. Hết đọc sách chữ Việt lại đọc sách chữ Pháp, chả đi chơi đi bởi gì. Nhưng mà hay ngược, ở lớp mỗi khi giờ tập làm văn, thầy giáo thường mang bài của cha tôi ra đọc cho cả lớp nghe và khen ngợi. Cha tôi ngồi: mặt, hai tai đỏ lựng lên.

Học xong chương trình tiểu học ở trường Cửa Bắc, cha tôi sang học ở trường Thành Chung. Thời kỳ này Người có hai ông bạn tên là Vũ Xuân Trục và Khánh. Ba người cùng giỏi văn, cùng hăng hái

tham gia mọi phong trào sinh hoạt của trường. Nhất là các ông rất thích phong trào viết báo tay. Đó là kiểu báo: mỗi người tự nghĩ ra một chủ đề, rồi viết ra giấy của mình. Sau đó đóng chung lại với nhau và truyền tay nhau đọc. Đọc xong bàn luận góp ý lẫn cho nhau. Hoặc phong trào kèm cặp nhau tự học, người học khá giúp người học kém...

Tuy chăm chỉ trong học tập và nhiệt tình trong công việc. Nhưng cha tôi là người rụt rè và rất kín đáo, ít biểu lộ tình cảm. Do vậy, cũng có nhiều người hiểu lầm là lạnh lùng, khó gần. Chẳng vậy mà cha tôi đã từng viết truyện "*Cái mặt không chơi được*" để chỉ trích bản thân mình. Còn ông tôi thì bảo: "Cha tôi hay xấu hổ và nhát gái lắm! Có lần ngay tại cửa hàng nhà mình, một cô gái cùng phố, có ý thích cha tôi, sang nhà chơi, cha tôi và cô ngồi đối diện với nhau hai bên cái bàn, cô đưa chân qua găm bàn quẹo chân cha tôi, cha tôi đỏ mặt, đứng dậy đi lên gác và ngồi lý ở đó..."

Giữa năm 1933 cha tôi phải bỏ dở năm học và bỏ luôn kỳ thi lấy bằng Thành chung vì bị bệnh tim và thấp khớp. Cha tôi về quê chữa bệnh, từ tháng năm đến tháng chín năm đó và ngày mồng hai tháng mười cùng năm thì cưới vợ. Cuộc hôn nhân này hoàn toàn do đôi bên cha mẹ sắp đặt theo tục lệ lúc bấy giờ. Lúc đó cha tôi vừa tròn

mười tám tuổi, còn mẹ tôi mười bảy. Mẹ tôi là Trần Thị Sen, người con gái thứ năm trong một gia đình khá giả ở làng. Hai nhà là hàng xóm của nhau. Mảnh vườn nhà nọ chỉ cách mảnh vườn nhà kia một cái rãnh nước nhỏ, có thể bước qua được. Tuy là con nhà giàu, nhưng vì là phận gái dưới thời phong kiến, nên mẹ tôi không được học hành và lúc về nhà chồng cũng chẳng có tiền của gì mang theo. Sau khi cưới vợ một tháng, thì cha tôi tạm biệt người vợ trẻ để đi xa. Người đi Sài Gòn kiếm việc làm. Cha vào Sài Gòn làm việc cho người cậu họ là ông Lê. Ông Lê có một cửa hiệu may Âu phục. Ông thuê cha tôi để quản lý sổ sách và giao nhận hàng, vì cha tôi vừa học quốc ngữ, lại biết tiếng Pháp, nên có thể giao dịch được cả với người ngoại quốc và người trong nước.

Tại đây, cha tôi không chỉ ở cửa hàng, mà luôn ra ngoài giao dịch để nhận, trả hàng, có khi xuống cả tàu buôn. Vì vậy người được tiếp xúc với nhiều tầng lớp nhân dân, với phu phen và thợ thuyền, được gặp gỡ những người có tinh thần yêu nước và bí mật hoạt động cách mạng. Ngay những công nhân sống trong cửa hàng, cũng có người như vậy. Cha tôi gặp người cậu họ tên là Trần Bá Ngôn cũng từ quê vào Nam. Ông Ngôn đã hoạt động trong tổ chức cách mạng bí mật ở Sài Gòn. Cha tôi

rất phục ông, cũng muốn noi gương ông nên rất hăm hở, người lao vào học. Mặc dù công việc ở cửa hàng khá bận. Nhưng hở ra một chút thời gian nào là học. Người bảo “phải luyện tài, có học có tài mới đủ năng lực để phụng sự lý tưởng của mình” và Người còn luôn mơ ước có một dịp may mắn nào đó có thể tiếp tục đi xa nữa. Người muốn xin được xuống một tàu buôn, xin làm anh “bồi” để đi Pa-ri, đi Mác-xây và cả đi Mỹ nữa. Nhưng sau đó ông Ngôn bị bắt rồi bị trục xuất về quê. Còn cha tôi, mộng viễn du chưa thành thì một trận ốm thập tử nhất sinh đã đẩy Người về nơi chôn nhau cắt rốn. Sau gần ba năm làm ăn tại Sài Gòn mà trên đường về quê phải bán đi gần hết tư trang để có tiền ăn. Tới được nhà người gầy teo tóp, gia cảnh lúc này lại vô cùng bi đát, cụ tôi đã già yếu, cụ buồn phiền than khóc suốt ngày. Ông nội tôi buôn bán thua lỗ, phải trở về làng, chán nản sinh ra uống rượu rất nhiều. Sau cha tôi còn một đàn em sáu, bảy người đang tuổi ăn, tuổi học... luôn đói khát và nhếch nhác... Bà nội già đi đến mười tuổi vì phải gánh vác một gia đình quá sức. Và quê hương thì như nhà văn Nguyễn Đình Thi nói trong một câu chuyện kể về cha tôi như sau: “Mấy năm sau anh về quê, gia đình đã khánh kiệt, sống vất vả túng đói. Làng anh vẫn như xưa, khổ hơn xưa. Vải Tây

rẻ như bèo, nghề dệt cơ sở của làng đã chết hẳn rồi”. Mẹ tôi phải bán đi đôi khuyên vàng là của hồi môn lúc về nhà chồng và vay mượn thêm để thuốc thang cho cha tôi. Mãi gần hai năm cha tôi mới khỏi bệnh. Mẹ tôi có thai lần đầu sau ngót năm năm làm vợ.

Thời gian chữa bệnh ở quê, mặc dầu sức khỏe yếu nhưng cha tôi đã ôn tập sau đó thi lấy bằng Thành chung và Người đã đỗ. Ngoài ra còn được lúc nào rảnh rỗi và đỡ mệt, cha tôi viết văn. Những truyện Người viết trong thời gian này không đưa in mà cũng chẳng cho ai đọc vì còn bản khoản chưa thật hài lòng với văn chương của mình. Mẹ tôi có thai được hai tháng cha tôi lại ra đi. Bảy tháng sau vào ngày hai mươi tháng chín năm Dân (1938 dương lịch) mẹ tôi sinh con gái, đó là tôi. Vì cha vắng nhà, ông nội đặt tên cho cháu. Ông bảo “Tên mẹ là Sen, đặt tên con là Hồng, Trần Thị Hồng”.

Lần ra đi thứ hai này, cha tôi lên Hà Nội theo lời mời của một người trong họ và cũng là bạn học từ thuở thiếu thời là ông phán Bao. Ông Bao chung vốn với người bạn gái là bà Đinh Thị Phượng mở một trường tư đặt tên là trường Công Thanh ở Hà Nội. Hai người thuê thêm một giáo viên là thầy Phấn để dạy và ông trực tiếp làm hiệu trưởng. Nhưng dạy được hai khóa thì ông đỗ một kỳ thi vào

công sở, được bỏ đi làm ở một tỉnh xa. Ông muốn cha tôi thay ông làm hiệu trưởng và dạy hai lớp nhất, nhì. Lúc đó trường gồm ba giáo viên: cha tôi, thầy Phấn, cô Phượng.

Thầy Phấn là bạn học của cha tôi, hai người cùng quê. Thầy chính là hình mẫu nhân vật San trong tác phẩm “*Sống mòn*” của cha tôi. Thầy kém cha tôi hai tuổi nhưng hai người khá thân nhau. Thầy dạy ở trường Công Thanh trước cha tôi hai khóa, sau đó dạy cùng nhau ở đó cho tới năm 1941 Nhật chiếm mất trường, thầy trở về quê tiếp tục dạy học. Tôi đã từng là học trò cưng của thầy. Lúc tôi được năm tuổi, cha tôi cho tôi đến trường nhờ thầy dạy dỗ. Tôi học thầy một năm mà chả được mấy chữ. Cha tôi trách thầy: “Anh dạy con tôi hàng năm mà chả thấy chữ đâu”. Thầy bảo: “Học hành gì? Anh quảng nó đến để tôi làm thằng giữ trẻ cho anh, chứ học hành gì tuổi đó”. Thế là hai ông cười xòa với nhau. Khi cách mạng tháng Tám thành công, thầy đi bộ đội vào Nam chiến đấu. Hòa bình lập lại thầy về hưu, đưa cả gia đình lên Hà Nội sinh sống. Vợ thầy Phấn là con bà vợ ba ông chánh Bính, nhân vật Bá Kiến trong tác phẩm “*Chí Phèo*” của cha tôi.

Cô Phượng là vợ chưa cưới của ông Bao, cô là hình mẫu nhân vật Oanh trong tiểu thuyết “*Sống mòn*” của cha tôi. Cô không phải người quê tôi

nhưng sau khi cô và ông Bao làm lễ cưới cô trở thành con dâu cụ chánh Bào (cha ông Bao), vì vậy khi trường Công Thanh bị giặc chiếm, cô trở về quê chồng dạy học, tôi cũng từng là học trò của cô một thời gian ngắn. Trong kháng chiến chống Pháp, giặc tràn vào làng tôi, cô đem con đi tản cư ở Tuyên Quang và dạy học ở đó. Hòa bình lập lại cô về sống ở Hà Nội. Còn ông Bao đã qua đời vì bệnh lao trong chiến tranh.

Cha tôi đi Hà Nội dịp ấy, mãi lúc mẹ tôi sinh con được ba tháng mới về thăm nhà lần đầu. Lúc này, cụ và ông bà nội đã cho mẹ ăn riêng. Lần đầu trong đời đến bữa cơm, cha tôi thấy hai vợ chồng ngồi một mâm, còn bà, cha mẹ và các em ngồi mâm khác, Người đã ngượng và buồn. Đến lúc nhìn mâm cơm của mình lại thấy có đĩa cá kho, còn mâm của bà và cha mẹ thì không cha tôi càng buồn và khẽ trách vợ. Mẹ tôi chưa kịp nói gì thì bà tôi đã lên tiếng, bà cười và bảo:

- Đào ôi! Nhà chẳng có đâu. Chúng tôi ở nhà thì đến cơm cũng chả đủ, làm gì có tiền mà sắm thức ăn? Mọi khi nó cũng chỉ có cơm rau thôi. Đây là hôm nay, cụ bá thấy con rẻ về, sợ con rẻ xưa nay chỉ ở tỉnh thành, chịu kham khổ không quen, nên bảo con gái đem về cho chồng một đĩa cá kho đấy chứ! Nó chẳng mua đâu mà mắng nó... (Cụ bá là ý bà nội nói

đến bà ngoại tôi đó). Những câu nói đó của bà nội tôi là sự thật. Bởi khi mẹ tôi đi làm dâu nhà chồng, không có tiền của mang theo, tài sản duy nhất là đôi khuyên vàng thì đã bán để thuốc thang cho chồng. Gia đình chồng cho ăn riêng, các cụ chẳng có gì để cho. Những năm ăn chung thì làm được bao nhiêu, các cụ quản lý để chi tiêu. Lúc ăn riêng lại mới sinh con nhỏ, con suốt ngày quấy khóc, không làm gì được thì đến cơm cũng không có mà ăn, làm gì còn có thịt, cá. Ở nhà nghỉ hè một tháng, cha tôi chứng kiến cảnh nhà như thế nên lúc lại trường, có biết bao lần Người đã dẫn vợ mình về những khoản chi tiêu. Cha tôi ân hận rằng đã dám bỏ tiền ra mua một cái vé xem chớp bóng hạng ba, hoặc dám ra quán ăn một bát phở. Không biết bao lần đang trên đường đi đến một tiệm ăn, lại sực quay về vì những hình ảnh bà, cha mẹ, vợ và các em ở nhà quê hiện lên trước mắt Người.

Trong tình vợ chồng thì như trên tôi đã nói, cha mẹ tôi lấy nhau là do sự sắp đặt của đôi bên gia đình. Chẳng có những cuộc hẹn hò, cũng không hề tìm hiểu yêu đương trước hôn nhân. Nhưng hai người sống với nhau thật tràn đầy tình cảm. Mẹ tôi yêu chồng đến nỗi mọi việc chồng làm đều cho là đúng, sẵn sàng chồng tử tử mỷ từ việc nhỏ nhất. Gặp khi chồng yếu đau, dù phải bán đi mọi thứ quý giá

trong nhà để thuốc thang chạy chữa cũng không hề ngần ngại. Mỗi khi cha tôi về nhà, dù phải lo làm ăn bận rộn, nhưng mẹ tôi gắng tìm những việc có thể làm ngay tại nhà như chăm sóc cây trong vườn, dệt vải, gỡ sợi, khâu vá quần áo... để được ở bên cạnh cha tôi. Những chuyến đi của cha tôi, mỗi khi Người gần ra khỏi nhà, bao giờ mẹ tôi cũng quanh quẩn ở bên để lo sắp xếp cho chồng. Mẹ tôi gấp quần áo cho cha tôi để lựa từng cái một, nhắc Người nhớ cái nọ, cái kia, soát từng đôi bút tất, cái lược chải đầu, quyển sổ tay, cái bút chì... cho đến cái mùi xoa, chiếc khăn rửa mặt. Rồi mẹ tự tay mở túi lấy ví của cha tôi ra, kiểm lại tiền và hỏi xem Người có cần lấy thêm không. Mẹ tôi chăm sóc cha tôi tỉ mỉ chu đáo như một thói quen, như một bổn phận. Và bù lại, cha tôi cũng yêu thương mẹ tôi không kém. Những năm đó, người phụ nữ ở làng quê bị chồng đánh chửi như cơm bữa. Nhìn cảnh người ta như vậy, cha tôi nói với mẹ tôi: “Nếu tôi dám đối xử với mình như thế, chắc không bao giờ chúng ta sống được với nhau nữa”. Mẹ tôi vẫn bảo “Mẹ lấy cha thật là đối khổ, nhưng mẹ vô cùng sung sướng vì cha luôn yêu thương, tôn trọng mẹ”. Mẹ kể, dù cuộc sống vợ chồng hòa thuận là thế, nhưng trong mười tám năm chung sống, cũng có một lần cãi nhau to lắm. Năm ấy mẹ tôi hai mươi

bốn tuổi và mới có một đứa con nhỏ là tôi. Nguyên nhân chính của cuộc chiến đó là do cha tôi hay ghen mà ghét cờ bạc. Lần đó, từ Hà Nội cha tôi về nghỉ hè. Bà nội tôi do hiểu lầm tưởng mẹ tôi đánh bạc nên đã mách với cha tôi, thế là cuộc chiến xảy ra. Sự việc được mẹ tôi mô tả như sau:

Hôm trước cha tôi từ Hà Nội về, vợ chồng vẫn vui vẻ chẳng có chuyện gì. Sáng hôm sau mẹ tôi đi chợ. Bà mua được mẻ cá rô và hai chục bánh đa, định để nấu canh bồi dưỡng cho chồng. Lòng đang vui vui vì nghĩ rằng chồng sẽ thích. Nào ngờ vừa về đến sân, thấy chồng nhẩy bổ ra, hất tay một cái, cái thúng đang đội trên đầu đổ ụp ra phía sau lưng. Mẹ tôi ngỡ ngàng chưa biết chuyện gì xảy ra thì cha tôi đã chạy vào buồng và đập phá âm âm trong đó. Bà nội tôi từ ngoài vườn chạy vội về, bà hốt hoảng đập cửa thình thình:

- Con ơi! Mẹ van con! Mẹ lạy con!

Mẹ tôi sau phút bàng hoàng, thì tức giận tột độ. Mẹ đứng ngoài sân vừa thở vừa nói vọng vào:

- Người hay thật! Tôi có tội gì thì cũng phải nói cho tôi biết chứ!... Rồi muốn đánh thì đánh, muốn chửi thì chửi, muốn đâm, muốn chém, muốn bằm vằm ra tôi cũng chịu. Tại sao tôi vừa mới ló mặt về, chẳng biết đâu đuôi xuôi ngược ra sao, đã làm âm ỉ lên như vậy...

Đêm hôm đó hai người nằm riêng. Cha tôi ngủ ở giường, mẹ tôi bế tôi nằm võng. Hai người cùng buồn bực và ai cũng tỏ nỗi buồn bực ra ngoài cho người kia biết. Vào khoảng quá nửa đêm, vì nhiều muỗi quá, tôi bị thức giấc luôn. Mẹ tôi đem tôi vào màn đặt, vỗ về cho tôi ngủ say rồi lại ra võng nằm. Cha tôi trần trọc cả đêm không ngủ. Và khi thấy tôi thức dậy, khóc ré lên, mẹ tôi còn bực, nhất định không vào giường để dỗ con. Cha tôi bật khóc nức nở.

Mẹ tôi thường bảo: tuy cha mẹ lấy nhau mười tám năm, nhưng tính tất cả những lần gần nhau một hai ngày với những đợt ở bên nhau dài nhất cộng lại cũng chỉ được vài năm. Do vậy, nên cả hai người đều quý trọng những giây phút ở bên nhau. Chẳng dám phí hoài mà giận nhau lâu được. Nghe mẹ tôi nói, tôi lại liên tưởng đến hai câu trong một bài hát "*Gặp nhau lần nào cũng vội, chẳng kịp để mà giận đối...*"

Thời gian dạy ở trường Công Thanh khoảng ba năm, cha tôi luôn là người thầy trách nhiệm và tâm huyết. Người luôn yêu thương học sinh và nghiêm khắc với bản thân mình. Mặc dầu vừa làm hiệu trưởng vừa dạy hai lớp nhất, nhì, bận rộn là thế nhưng mới hai năm hầu như cha tôi đã thuộc lòng toàn bộ bài giảng. Tuy nhiên Người vẫn soạn

bài, chấm bài thật kỹ càng. Bao nhiêu thì giờ cha tôi đều dùng cả vào nhà trường. Chỉ sau hai năm, cha tôi có mặt tại trường Công Thanh số học sinh tốt nghiệp tăng vọt lên. Do đó người ta đưa con em đến học ngày càng đông. Nhưng sức lực của cha tôi phải bỏ ra thật nhiều, thời gian dạy hai lớp nhất, nhì đã là 8 giờ một ngày. Người còn làm hiệu trưởng vẫn soạn bài, chấm bài mà toàn phải làm ngoài giờ. Lúc nào cha tôi cũng nghiêm túc với bản thân và luôn rèn rũa nhân cách người thầy. Một lần chỉ vì bực về chuyện tiền nong với người nấu cơm tháng, cha tôi và thầy Phấn cho rằng có sự gian lận và ban ơn của họ. Trong bữa cơm hai ông đã trả đũa bằng cách hòa nhau lại để trộn cái đĩa đựng đậu kho, khi mới ăn được một bát cơm đã hết để trêu tức bà này. Thế mà chiều hôm đó khi lên lớp thấy những cặp mắt long lanh, trong sáng của học sinh chăm chú nhìn mình giảng bài, cha tôi nghĩ ngay: nếu chúng biết rằng những câu nói của thầy chỉ là nói dối, những lời giáo dục suông, khác nào bảo chúng: “Chỉ nên làm những điều ta bảo, chớ đừng nên làm những điều ta làm”. Và dù gia đình nghèo túng, bản thân phải dè sẻn từng đồng xu, nhưng khi có một học trò nghèo, không có tiền để nộp học phí nên định xin nghỉ học, cha tôi đã

sẵn sàng, dùng lương của mình để nộp học phí cho người học sinh kia. Ông Nguyễn Trọng Hoàn là học sinh cũ của cha tôi ở trường Công Thanh từ năm 1938 đến năm 1940 đã gửi cho mẹ tôi một lá thư vào năm 1996 như sau: *"...Em là Nguyễn Trọng Hoàn 72 tuổi, cán bộ nghỉ hưu ở thành phố Hồ Chí Minh, em nguyên là học sinh của thầy Tri hai niên học 1938 - 1939 và 1939 - 1940 tại trường Công Thanh... nhà nghèo phải nghỉ học, em vào Sài Gòn học nghề thợ rồi tham gia cách mạng từ tháng 8 - 1945 ở Sài Gòn... Năm 1946 em được ra Hà Nội. Em đã tìm gặp thầy Tri ở Hội Văn nghệ cứu quốc. Cuối năm 1951 em ở Việt Bắc đọc báo biết tin thầy hy sinh... Năm nay nhân kỷ niệm lần thứ 45 ngày hy sinh của thầy, qua đài báo em mới biết thầy hy sinh ngày 30 - 11 - 1951 và địa chỉ của cô. Báo còn đưa tin anh Thiên cùng đoàn về Gia Viễn - Ninh Bình tìm mộ thầy... Vì ở xa không đến viếng thầy được, qua thư này, em mong cô và các anh, chị thông cảm cho, thấp dùm em mấy nén nhang em tưởng niệm thầy kính yêu. Và em cầu khẩn thầy chỉ chỗ cho đoàn tìm thấy được mộ thầy để đưa về an táng ở quê nhà... Em xin cầu chúc vong linh thầy thanh thản nơi cõi vĩnh hằng".* Và ông làm hai bài thơ:

NGHĨ VỀ THẦY NAM CAO

Ngôi nhà nhỏ bên bờ hồ Tây
Gác lộng gió là lớp của thầy
Thầy Nam Cao, người thầy hiền hậu
Chẳng phạt ai, ai cũng kính thầy.
Giảng dạy hết lòng vì trò nhỏ
Com lê sồn, hai bộ đổi thay
Một trò nghèo định xin nghỉ học
Cảm thương, học phí trừ lương thầy
Lúc bình thường, thầy thường ít nói
Khi giảng văn, thầy rất hăng say
Trường Công Thanh, nơi thầy đứng bục
Trước Máy Da đường Thụy Khuê nay
Ngôi trường cũ Nhật, Tây phá hủy
Nay không còn, cảnh vật đổi thay
Đường xe điện trước trường bóc bỏ,
Hình ảnh thầy in đậm nơi đây
Hà Nội mùa này heo may lạnh,
Nhớ trường xưa, nhớ các cô, thầy
Thầy Nam Cao, người thầy liệt sĩ,
Thắp nén nhang, em tưởng niệm thầy.”

Và bài thơ thứ hai ông Hoàn viết:

TUỞNG NHỚ THẦY NAM CAO

Bốn lăm năm thầy đã đi xa,
Thời gian mãi không thể xóa nhòa
Biết bao bài báo, bao tác phẩm
Viết về thầy, ai cũng ngợi ca
Căm thù giặc Pháp, không quản ngại,
Gian lao, nguy hiểm vẫn xông pha
Thầy đã đi vào vùng địch hậu
Vận động đồng bào của chúng ta,
Thóc thuế, dân công cho kháng chiến
Quyết giành toàn thắng sớm về ta
Giặc đã giết thầy, người chiến sĩ
Nhưng thầy sống mãi với sơn hà
Cõi vĩnh hằng nay thầy yên dạ
Xóa bớt công, nghèo đói đang đà
“Bá Kiến”, “Chí Phèo” không có nữa
Quê hương nay đổi thịt thay da.

Một người học sinh nữa của cha tôi là ông Lý Thái Bảo. Ông Bảo kể vào năm 1939 - 1940 ông học tại trường Công Thanh ở Thụy Khuê, Hà Nội, gần nhà máy da Đông Dương. Lúc đó cha tôi dạy hai môn: Văn học Việt Nam và Công dân giáo dục. Cha tôi đã tự sáng tác thơ để dạy cho học trò của mình.

Bài thứ nhất là: **LÃO ĂN XIN**

*Hôm qua có lão ăn xin
Có hai con mắt chẳng nhìn thấy chi
Ba chân khập khiễng bước đi
Miệng kêu trời đất chết đi cho rồi
Sống mà cực khổ ở đời
Cũng nên cầu Phật chết rồi là xong
Lão đang than khóc não nùng
Bất ngờ xe điện báo chuông lại gần
Lão ta sợ chết cuống chân
Kêu om hàng phố cứu thân nua già
Mới hay tâm tính người ta
Ai không muốn sống, để mà sống thôi.*

Ông Bảo nói thêm ... “Chả là trước cổng trường Công Thanh có đường xe điện chạy qua và hàng ngày ông lão ăn xin, chống gậy kêu xin. Đó là cái hiện thực mà thầy Tri thể hiện bằng thơ lục bát để dạy học trò...”

Bài thứ hai: **GÀ NÒI**

*Chớ thấy áo ngắn mà cười
Chớ thấy áo dài mà sang
Bởi không áo ngắn phải mang áo dài
Những giống gà nòi lông nó lơ thơ*

Và ông Lý Thái Bảo bình luận. Bài “Gà nòi” chỉ có bốn câu nhưng đúng như hoàn cảnh của cha tôi lúc đó. Cha tôi luôn mặc chiếc áo vét tông cũ kỹ, sờn cổ. Ông nói: “Quả thầy là gà nòi lơ thơ. Hình ảnh ví von hóm hỉnh lắm thay”.

Như tôi đã nói, cha tôi dạy học ở trường Công Thanh khoảng ba năm. Sau đó trường bị Nhật chiếm, lúc này cha tôi mất việc làm ở đó. Hè năm 1941 Người có dạy học ở tỉnh Thái Bình một thời gian ngắn. Còn từ đây trở đi cha tôi chủ yếu viết văn và hoạt động cách mạng.

Quá trình đến với văn chương và hoạt động cách mạng

Những năm đầu mới nghỉ dạy, chủ yếu cha tôi học thêm và viết văn. Từ năm 1943 trở lại sau, Người viết văn và hoạt động trong các tổ chức văn hóa, văn nghệ cứu quốc thời kỳ tiền khởi nghĩa. Cuối năm 1940, cha tôi viết truyện “*Cái lò gạch cũ*”. Viết truyện này, cha tôi có một trợ thủ đắc lực là bác Trần Hữu Tạng. Bác Tạng là anh họ mẹ tôi, bác là con bà phó Sâm chị bà ngoại tôi. Nhà bà phó Sâm và nhà bà nội tôi chỉ cách nhau một cái rãnh trồng khoai nước. Hằng ngày bác Tạng sang chơi với chú ruột tôi là chú Trần Hữu Thuật. Bác Tạng

tuy là anh vợ cha tôi, nhưng cha tôi hơn tuổi bác nên bác rất nể. Ngược lại, cha tôi cũng yêu quý bác lắm. Cha tôi hay đưa sách báo cho bác đọc, bác rất thích.

Hôm cha tôi viết xong truyện “*Cái lò gạch cũ*”, cha tôi đưa nhờ bác chép lại, vì chữ bác khá đẹp. Bác bảo: cha tôi viết truyện này nhanh lắm. Viết một lèo, viết một mạch chỉ trong vòng mười ngày là xong. Nhưng khi bác đã chép lại rồi, bác thấy cha tôi đọc lại. Người không hài lòng, nên sửa chữa, gạch xóa, thêm bớt mãi. Hàng tháng sau, cha tôi mới nhờ bác chép lại lần thứ hai, bác bảo: “Bác rất sung sướng khi được cha cháu nhờ làm việc này”. Rồi bác kể tiếp: hồi truyện “*Cái lò gạch cũ*” được in lần đầu, nhà xuất bản đổi tên thành truyện “*Đôi lứa xứng đôi*”. Cha tôi mang về năm cuốn. Máy người thanh niên trong làng đến chơi, tranh nhau đọc ngấu ngiến. Dăm ngày sau, làng đã đồn ầm lên: “Cậu giáo Tri, con ông phó Huệ thành nhà văn rồi. Sách của cậu ấy viết ra nói toàn chuyện làng mình thôi, xem khoái lắm”. Nghe họ nói, bác lấy làm đắc ý lắm! Bác bảo “Lúc chép hộ cha tôi, bác đã biết thừa rồi, bây giờ mới khoe”. Rồi bác kể tiếp: “Một lần bác sang chơi, cha tôi gọi bác vào buồng đưa cho bác ít tiền. Nhưng bác nhất định không lấy. Cứ cha tôi bỏ vào túi bác, bác lại

móc ra bỏ lên giường để trả lại cho cha tôi. Đến mùa rét năm đó, cha tôi mua cho bác cái áo và cái khăn quàng cổ bằng len, bác thích lắm, mang về khoe ngay với bà phó Sâm”.

Cũng quay quanh truyện “*Đôi lứa xứng đôi*”, một lần ông nội tôi kể: Sau khi sách được in ra, người làng đọc được họ bàn tán dữ quá. Người ta hỏi nhau: “Ai là thằng Chí Phèo ấy nhỉ! Còn ai là Bá Kiến, Lý Cường, v.v... Nhiều người thì thảo với nhau “Bá Kiến là chánh Bính chứ còn ai nữa”. Chuyện lan mãi rồi cũng đến tai những người có máu mặt trong làng. Một hôm, trong cuộc họp thu thuế hàng năm của các phái kỳ hào với các tộc biểu, chánh Bính đang ngồi trên chiếu nhất giữa đình làng. Một ông phó lý trong làng có một thời vì tăng tịu với người đàn bà góa, làm bà có thai nên đã phải dứt lốt cho chánh Bính một số tiền khá lớn, mới thoát được, nên sẵn cảm chánh Bính. Ông này đến xỏ ngọt cụ chánh:

- Thưa cụ, tôi nghe nói có nhà văn, nhà báo đã đem toàn chuyện thật ở làng ta ra viết thành sách để bêu riếu đầy ạ! Xin cụ nghiêm trị cho.

Sau đó, một lần chánh Bính gặp ông nội tôi ngoài đường, ông ta chỉ tay vào mặt ông nội tôi mà quát: “Cái thằng con trai nhà anh giỏi lắm đấy! Học cho nhiều vào rồi mà viết sách chửi cả làng.

Anh có dạy nó được không? Hay muốn cho nó rũ tù”. Ông nội tôi nói tiếp: “Khi nghe tin này, cha tôi chỉ cười và bảo: “Hóa ra cũng nhiều khê nhỉ! Con chưa bao giờ nghĩ đến chuyện này. Thôi cứ để xem rồi họ sẽ làm gì được mình nào”. Nhưng mọi việc cũng chỉ kết thúc ở đấy. Chánh Bính cũng chẳng làm gì nổi cha tôi.

Lại cũng quanh câu chuyện về truyện “*Chi Phèo*” của cha tôi, nhà văn Vũ Bằng kể... “Một sự ngẫu nhiên: Ngọc Giao có ý định muốn đi Nam để kinh doanh với một người bạn chuyên nhập cảng sắt cũ. Ông Vũ Đình Long có nhã ý bảo tôi làm thư ký tòa soạn *Tiểu thuyết thứ bảy* khổ lớn. Bao nhiêu những bài lai cáo chất đống ở tòa soạn, tôi khuân cả về nhà. Tình cờ một buổi chiều xấu trời, không đi chơi tếu được tôi rút một vài bài ra coi thì trong số đó có một truyện của Nam Cao. Chỉ đọc độ nửa trang đầu tôi đã cảm thấy một truyện “đăng được”, đọc xong thì tôi bị Nam Cao cám dỗ. Ngay buổi tối hôm đó, tôi hì hục dở hết cả chồng bài cũ ra kiểm thì thấy Nam Cao còn có hai truyện nữa (trong đó có truyện người say rượu ngã ra như cái bóng). Tôi đọc ngay một hơi và ngay sáng hôm sau, tôi sửa qua vài chữ, vẽ ma kết đặt truyện Nam Cao lên trang nhất kèm theo một cái “sa pô” giới thiệu một nhà văn tài mới!”

Nhà văn Vũ Bằng nói thêm: truyện đầu tiên của cha tôi thành công ngay và người đầu tiên đến tìm ông để hỏi về cha tôi là nhà văn Thanh Châu Ngô Hoan. Ông nói thật với nhà văn Ngô Hoan là ông vẫn chưa biết mặt cha tôi “Chưa biết Nam Cao là ai cả”. Ông lại bảo: mãi đến khi đăng được mười truyện của cha tôi trên mặt tờ “*Tiểu thuyết thứ bảy*” rồi, ông mới được biết cha tôi bằng da bằng thịt.

Mỗi khi đọc những tác phẩm của cha tôi viết, tôi cứ hình dung rõ mồn một những người thân: ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì, hàng xóm, bạn bè của cha... và cả bóng dáng của chính mình trong đó.

Chẳng hạn khi đọc “*Sống mòn*” tôi thấy hình ảnh cha tôi trong ông giáo Thứ. Thấy hình bóng mẹ tôi trong nhân vật Liên. Thấy ngay thầy Phấn trong San, cô giáo Phượng trong Oanh. Đọc “*Lão Hạc*”, tôi thấy hiện lên cụ trùm Duyên, một người hàng xóm tốt bụng. Cụ Duyên thật chăm chỉ và khéo tay từ việc làm vườn, làm nhà đến việc đồng áng, cụ chẳng nề hà việc gì. Hai lần nhà tôi làm nhà đều có bàn tay cụ. Mỗi khi có bão gió, mái nhà bị tốc, cụ sang đánh gianh lá mía, lợp lại nhà giúp cho chúng tôi, giàn trầu không bị đổ cũng lại đến tay cụ dựng...

Thế mà đời cụ lận đận. Cụ có hai người con trai thì một người mất sớm. Người kia đi làm ăn xa. Cụ sống một mình làm bạn với chú chó lông vàng của cụ. Cụ yêu quý gọi nó là “Cậu Vàng”. Cụ thánh thiện đến nỗi vì muốn giữ vườn cho con mà tìm đến cái chết, khi biết mình không còn đủ sức để tự nuôi thân. Cụ quý cái mảnh vườn như vậy mà dám giao nó nhờ cha tôi giữ hộ. Còn khi đọc “*Di Hảo*” tôi hình dung ngay ra bà Thảo vợ ông quản Phụng con nuôi cụ tôi. Cả cuộc đời bà cực khổ cho đến lúc ra đi khỏi cõi đời này. Rất nhiều truyện cha tôi không đổi tên nhân vật, mà lấy ngay tên thật để viết như “*Bài học quét nhà*”, “*Bốn cây số cách một căn cứ địch*”, v.v...

Giữa dòng suy nghĩ về nhân vật của cha tôi, tôi lại nghĩ đến câu nói của nhà văn Nguyễn Hồng! “...Đọc xong những “*Trăng sáng*”, “*Đời thừa*”, “*Nước mắt*”, “*Mua nhà*”, v.v... ta cũng bị ngạc nhiên. Đó là những cảnh đời ở ngay bên cạnh ta, những cảnh đời của chính từng lớp của nhiều chúng ta, mà đến nay nhờ đọc Nam Cao chúng ta mới thấy thật hơn, sâu sắc hơn...”

Nhắc đến nhà văn Nguyễn Hồng, làm tôi nhớ đến vài mẩu chuyện vui vui liên quan đến bác:

Chuyện thứ nhất:

Lúc tôi còn nhỏ, mấy lần bác Nguyễn Hồng bảo cha tôi: “Cậu cho con nhỏ nhà cậu làm con nuôi tớ

đi! Mai kia tớ dạy con bé vẽ, biết đâu nó chả thành tài”. Không biết cha tôi đã đoán định được cái sự không có năng khiếu của con gái mình chẳng mà Người nhất mực từ chối. “Nhỡ nó không có khiếu thì vẽ cái gì?”. Sau này đi học kỹ thuật, tôi sợ nhất môn “Vẽ kỹ thuật” và “Hình học họa hình”. Nhớ năm học đại học tại chức, buổi thi môn “Vẽ kỹ thuật”, tôi ngồi trong phòng thi được khoảng ba mươi phút, mẹ tôi đã bế cháu Bích Thủy ngồi sẵn ở cửa phòng để chờ mẹ thi xong ra cho con bú. Trong phòng thi mẹ toát mồ hôi giữa một chiều mùa đông, làm xong được bài, chạy ra đã thấy con khóc có bong bóng mũi. Lại nghĩ đến chuyện khi xưa bác Nguyễn Hồng từng mong tôi thành tài về nghề vẽ, mà bật cười.

Chuyện thứ hai:

Năm Mai Thiên, em tôi lấy vợ, đám cưới được tổ chức ở trụ sở Hội Nhà văn. Tổ chức bữa cơm thân mật tại nhà bác Tô Hoài. Gần trưa bác Nguyễn Hồng đến. Bác mặc bộ quần áo nâu, đi đôi dép cao su, tay bác cầm một cái gì đó giấu ở sau lưng. Chồng tôi ra đón bác và hỏi “Bác có cái gì đấy ạ?” Bác bảo: “Chưa nói được, chốc nữa khác biết.” Lúc ngồi vào mâm, bác kéo chai rượu trắng, nút lá chuối khô từ sau lưng, rót ra các chén. Bác nâng một chén lên và đứng dưng nước mắt, nghẹn ngào

nói: “Chện rượu này, bác chúc cha cháu đã có con dâu”. Bác nhớ cha tôi. Bác là người giàu tình cảm và mau nước mắt. Mọi người sợ bác khóc giữa bữa tiệc vui, vội vàng lảng sang chuyện khác.

Trong khoảng những năm 1939 - 1940, cha tôi gặp và quen nhà vượn Tô Hoài. Sau này hai người được xem là đôi bạn tri kỷ của nhau. Khi cha tôi ở lại Hà Nội thì ăn, ở cùng bác Tô Hoài và có sự cư mang của bác Khôi (trước là bạn, sau trở thành anh vợ bác Tô Hoài). Khi cha tôi về quê thì có lần bác Tô Hoài cùng về ở chơi nhà tôi hàng tháng. Hai người luôn quán quýt bên nhau: ăn cùng mâm, ngủ cùng giường, cùng nhau đàm đạo về văn chương, về nhân tình thế sự. Chiều chiều hai người rủ nhau ra tắm bên dòng Châu Giang trong xanh, thưởng thức giọng hò lạnh lớt của các cô thôn nữ quê tôi:

*“Sông Châu Giang vừa trong vừa mát
Đường Đại Hoàng lấm cát dễ đi...”*

Gặp những ngày có trăng, sau bữa cơm đạm bạc buổi tối, thường là trên mâm đặt một đĩa rau muống luộc để chấm với bát tương cua đồng và một đĩa cá kho (Bác Tô Hoài rất thích ăn cá kho mẹ tôi nấu). Khi trăng tỏa ánh sáng lấp lánh xuống những tàu lá chuối vươn dài ngoài vườn đang khê đung đưa, là lúc cái sân nhỏ xinh xinh của nhà tôi

cũng tràn đầy ánh sáng. Bác Tô Hoài dạy tôi chơi bịt mắt bắt dê. Sau một lúc, sợ tôi chạy mệt, bác nhắm mắt lại, tôi cầm tay bác bước đi chậm chậm, tay tôi vung vẩy, miệng tôi hát: “*Dung giăng dung dẻ, dắt trẻ đi chơi, đến ngõ nhà trời...*”

Bác Tô Hoài tính tình vui vẻ, chuyện trò nhỏ nhẹ lại rất hay cười. Nói về tình thân của cha tôi và bác Tô Hoài làm tôi chợt nhớ mấy mẫu chuyện vui vui thế này. Bác Tô Hoài kể:

Một lần ở Hà Nội, vào dịp cuối năm, vì bí đề tài viết văn, cha tôi và bác rủ nhau đi lung tung mong tìm được đề tài. Nửa đêm ra ga tàu hỏa, chợt một hồi còi rú vang đã kích động hai người một chuyến đi xa. Cha tôi và bác kéo nhau lên tàu về Nam Định, đến nơi đã quá nửa đêm. Hai ông vào nhà trọ, nhưng ở đâu cũng chật cứng không còn chỗ. Hai ông rủ nhau đến nhà tắm (nhà trọ thường có gái mại dâm). Song cũng không còn phòng trống. Đang định đi ra thì nghe tiếng một người con gái bảo: “Các anh ở phòng em vậy, em sang ngủ nhờ bạn em cũng được”. Hai ông bằng lòng ngay. Rồi sau đó, cô gái chẳng đi đâu cả, cô lên giường nằm giữa hai ông mà ngủ. Gần sáng bác Tô Hoài đang mơ màng nửa ngủ, nửa thức bỗng nghe tiếng cô gái khóc rấm rức và tiếng cha an ủi, dỗ dành... nhưng bác cũng không hiểu rõ câu chuyện. Sau đấy cha

tôi kể lại: qua câu chuyện của cô gái, cha tôi biết được cô là em ruột người bạn của cha tôi ở Sài Gòn. Chẳng may yêu đương lỡ dở rồi chồng con mấy phen đau đớn. Cô định cắt tóc đi tu, nhưng lại sa chân lỡ bước vào chốn đen bạc đó. Bác nói thêm: bác không tin câu chuyện của cô gái điếm đó, vì đêm nằm có lúc cô đã quay lại cắn vào tai bác. Nhưng nhìn vẻ mặt cha tôi, bác biết là cha tôi tin cô gái lắm, bác không nỡ phản bác cha tôi. Ngay sáng hôm ấy, hai người trở về Hà Nội đến nhà bác ở khu Nghĩa Đô ngồi viết hăng say. Cha tôi dựa vào cuộc gặp gỡ và câu chuyện cô gái kể viết truyện “*Một đời người*” đem bán cho Nhà xuất bản Cộng Lực được tám mươi đồng. Cha tôi gói riêng ra năm mươi đồng, tìm về nơi đã gặp cô gái định tặng số tiền đó cho cô. Nhưng cô đã rời đi nơi khác, cha tôi tìm đâu cũng không thấy. Người cứ băn khoăn trần trở mãi. Người còn bảo: “Nếu hoàn cảnh tôi không quá quá quẩn bách, tôi sẽ tặng cô cả tám mươi đồng ấy”.

Rồi một lần khác mẹ tôi lại kể: Hôm ấy bác Tô Hoài về nhà tôi chơi. Buổi tối, mẹ tôi nằm giường bên này với hai con, giường bên kia cha tôi nằm cạnh bác Tô Hoài. Ba người đang chuyện trò vui vẻ, đột nhiên, cha tôi và bác Tô Hoài lại nhắc đến một cô gái điếm, một nhà xăm nào đó. Mẹ tôi nghe



Chiến khu Việt Bắc. Từ trái sang:

- Hàng đầu: Nguyễn Đình Thi, Kim Lân, Nguyễn Hồng, Nam Cao.

- Hàng sau: Nguyễn Đỗ Cung, Học Phi, Nguyễn Xuân Sanh, Chế Lan Viên, Hoàng Trung Thông, Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài.

mà rụng rời chân tay. Bà chết lặng đi không nói được câu nào nữa. Cha tôi thấy mẹ tôi đang tự đứng lại im lặng, cảm nhận thấy có chuyện chẳng lành, bèn rón rén sang giường mẹ tôi. Khi cha tôi đặt tay lên trán mẹ tôi, đã thấy bà lạnh toát. Người vội đi lấy gừng giã nhỏ trộn với rượu xoa cho mẹ tôi nóng lên. Rồi cha sang nằm cùng bác Tô Hoài và

thì thảo vào tai bác: “Thôi đừng nói chuyện đó nữa”. Hôm sau bác Tô Hoài về Hà Nội rồi, mấy lần mẹ tôi còn tra khảo cha tôi có phải người đi cô đầu không? Cha tôi tùm tùm cười, rồi bảo: “Làm gì có tiền mà đi hát cô đầu, vợ tưởng vào những chỗ ấy rẻ lắm à?”

Một câu chuyện khác: chuyện bác Tô Hoài lấy vợ. Vợ bác Khôi và bác Tô Hoài là hai người bạn. Bác Khôi có hai cô em gái đều nét na, xinh đẹp. Gia đình lại gia giáo nề nếp. Hai cô em một cô tên Ty là chị, một cô tên Cúc là em. Lúc đầu bác Tô Hoài rất thích cô Ty. Nhưng cô Ty ý tứ quá, khép nép quá! Khi có mặt bác Tô Hoài trong nhà, bao giờ cô Ty cũng muốn lên gác nhà mình. Còn ở dưới chân cầu thang, cô đã cất tiếng hỏi: “Thưa anh, anh có ở trên nhà không ạ?” Ý cô là, nếu anh ruột có ở trên đó mới dám lên, còn nếu chỉ có ông khách thôi thì không dám lên. Bác Tô Hoài thấy vậy sinh ra ngại ngùng, bèn tâm sự với bác Khôi là bác muốn xin lấy cô Cúc. Bác Khôi vốn yêu quý bác Tô Hoài nên đồng ý gả em ngay. Không ngờ, đến lúc hai người nên vợ nên chồng rồi, bà chị vợ một lúc nào đó không nén được tình cảm, lại khóc lóc với ông em rể mà thổ lộ rằng đã có lúc, bà yêu quý và muốn làm vợ ông biết chừng nào? Nhưng mà ôi thôi! Đến lúc đó thì quá muộn mất rồi. Đây là câu chuyện

bác Tô Hoài kể với cha tôi, cha tôi lại kể cho mẹ tôi, mẹ tôi kể với tôi. Nếu có gì sai lệch xin các bác tha thứ!

Rồi có lần ở chiến khu Việt Bắc, một chiều mưa rả rích, cha tôi và bác Tô Hoài nằm bên nhau, bác rủ rỉ kể cho cha tôi câu chuyện: hồi mới đi tản cư, ở nhờ nhà dân. Phong tục nông thôn của mình có những tục lệ thật lạ mà vô lý thế nào ấy. Họ không cho vợ chồng ngủ cùng giường ở trong nhà họ. Hiếm hoi lắm mới được về thăm nhà một lần. Vợ chồng trẻ làm sao mà không vào với nhau được. Đêm đến chờ cả nhà họ ngủ say, liền lén vào cùng vợ. Đã “đánh lén” thì chớ, khi nằm bên nhau, vợ vốn là con gái thị thành lại muốn nũng nịu một chút, nên cứ thút tha thút thít khóc. Lúc ấy tim mình muốn nhảy ra khỏi lồng ngực, chỉ sợ chủ nhà thức giấc bây giờ thì tai bay, vạ gió... Mà giường nằm lại là cái giường bằng tre rệu rã, nằm lên mà không dám cựa mạnh - thế có khổ không chứ! Chuyện của bác Tô Hoài thật là dí dỏm.

Có một chuyện nữa tôi hơi thắc mắc mà chưa lúc nào dám hỏi bác. Năm cha tôi hy sinh, bác viết một bức thư về cho mẹ con tôi. Lời lẽ của bác rất xúc động, trong đó có một đoạn: *“Anh Nam Cao mất đi, tôi mất một người thầy, một người anh, một người đồng chí, một người bạn thân thiết...”* Người

anh thì đã rõ vì cha tôi hơn tuổi bác. Người đồng chí cũng đúng vì chính bác là một trong hai người giới thiệu cha tôi vào Đảng (người nữa là bác Xuân Thủy). Người bạn thân thiết cũng đúng, còn người “thầy” thì tôi không rõ là như thế nào? Nhưng có điều chắc chắn bác Tô Hoài coi cha tôi như anh em trong nhà. Khi cha tôi hy sinh rồi, bác vẫn quan tâm đến chúng tôi, những đứa con của Người. Bác từng nhận Mai Thiên là con nuôi! Khi Mai Thiên và Thành lên Việt Bắc để chuẩn bị đi Trung Quốc học, bác cũng luôn chăm sóc hai em - và tình cảm của bác đã truyền sang cả bác Cúc (vợ bác). Hồi Mai Thiên lấy vợ, mẹ tôi không lên được vì ốm, chỉ có em trai mẹ tôi là cậu Vệ và chồng tôi lên Hà Nội để lo liệu. Bác Cúc đã lo cho Thiên như lo cho con ruột của bác. Bác bỏ tiền ra đi chợ, về làm cơm, tiếp khách ngay trong nhà bác.

Lúc mẹ tôi ốm phải nằm bệnh viện ở Hà Nội, bác luôn đến chăm sóc, động viên an ủi như chị em trong nhà. Ngày chúng tôi còn nhỏ, mỗi lần có việc gì lên Hà Nội đều đến nhà bác ăn, ngủ như chính nhà mình...

Năm 1942 cha tôi về làng cùng thầy Phấn, thầy Tuy (anh ruột thầy Phấn), chú Hiến (ngày ấy là bạn cùng làng của cha tôi sau này là em rể của người), anh Niêm (tức Hoàng Cao) con bác ruột tôi

và một số thanh niên tốt khác trong làng lập ra hội “báo kín”. Các ông góp tiền để mua báo đọc chung với nhau. Đọc xong tụ họp nhau lại, bình luận phân tích để nâng cao hiểu biết. Rồi các ông còn chia nhau ra đi tính hộ thuế cho dân làng, tránh cho họ bị bọn cường hào tính toán gian lận của họ.

Sang tháng hai năm 1942 nhà tôi có thêm nhân khẩu. Mẹ tôi sinh được một cậu con trai. Mẹ tôi kể không biết bằng cách nào mà khi mẹ mới có mang được mấy tháng, cha đã biết lần này mẹ sẽ sinh con trai. Người bèn đặt sẵn cho con tên là Hoàng. Lúc mẹ tôi còn vài tháng nữa mới sinh, đã nghe tin bà Phượng vợ ông Bao đẻ rồi. Cha mẹ tôi dẫn nhau đi thăm, thì nghe ông Bao khoe vợ ông sinh con trai, ông đặt tên cho cháu là Hoàng. Cha tôi liền tùm tùm cười rồi bảo: “Con anh tên là Hoàng à, Hoàng có nghĩa là vua, vậy tôi sẽ đặt tên con tôi là Thiên - Thiên là trời. Trời vẫn còn cao hơn vua đấy nhỉ!”. Ông Bao cười lớn, bảo: “Tôi chịu chú rồi!”. Sau này lại một sự tình cờ nữa. Lúc vợ Mai Thiên sinh con trai, Thiên đặt ngay tên con là Hoàng. Cháu Hoàng là cháu đích tôn của cha tôi. Nhưng việc này xảy ra khi cha tôi không còn nữa, chẳng biết ở cõi vĩnh hằng cha tôi nghĩ gì?

Cũng năm 1942, sau khi mẹ tôi sinh Mai Thiên, thím tôi cũng sinh con. Nhà ông bà tôi trở nên chật

chội, cha mẹ tôi bàn nhau mua nhà ở riêng. Ngôi nhà cha tôi mua ở xóm 5, làng Đại Hoàng cách nhà ông bà nội tôi khoảng gần cây số. Đó là ngôi nhà tre ba gian lợp lá mía, nằm trên mảnh vườn ba sào Bắc Bộ. Chủ cũ là ông Luân. Ông Luân bán đi để đưa vợ con xuống Nam Định làm ăn. Mảnh vườn đó chính là nơi hiện nay có khu mộ của cha tôi và “nhà lưu niệm Nam Cao”. Thời gian này cha tôi đã có một số tác phẩm được in, nhưng nguồn sống chính của gia đình vẫn phải dựa vào nghề dệt vải và làm vườn của mẹ tôi. Vì vậy cuộc sống của chúng tôi lúc đó quả là gieo neo. Trong một bức thư gửi người bạn mới đến thăm nhà chúng tôi. Cha tôi đã thổ lộ về gia cảnh chúng tôi như sau “...Đến nhà tôi các anh phải cúi khom người để chui vào một cái lều tối om - Nền nhà bằng đất nện, âm ẩm dưới chân. Một mùi mốc khăng khẳng làm các anh nhăn mũi. Đứa con lớn của tôi đau bụng, thổ từ đêm, nằm trên cái vông nhuộm nâu căng từ đầu nhà nọ đến đầu nhà kia, chần cả lối đi. Nó mặc một cái quần, một cái áo bằng thứ vải mà con sen nhà các anh cũng không thềm mặc. Dưới nó là một vũng bùn to tướng: nước nó thổ ra đã pha trộn vào với nền nhà lấm lên... Cũng may trời tạnh ráo. Lúc ăn cơm, chúng ta có thể ra sân, trải chiếu trên mặt đất. Các anh tháo giày ra, cởi quần tây, để ngồi xếp bằng bằng”. Và buổi tiếp

nhà đó của chúng tôi. Đã tháng chín, thông thường là hết bão gió cho nên chẳng ai ngờ. Bỗng nhiên trời đổ mưa, rồi mưa to dần, gió mạnh lên. Cuối cùng thì mưa như trút nước và gió thi nhau gào thét. Lúc ấy mọi người mới sững sờ. Nhà của chúng tôi đầu tiên lại là tốc mái, sau nó chao đảo như một cái võng. Cha mẹ tôi vội xông pha mưa gió, bế con đi tìm nơi ẩn náu. Cha tôi cõng tôi, tay cầm con dao. Mẹ tôi bế Mai Thiên theo sau. Gió thổi xiêu người. Mưa như những cái roi da quất vào đầu, vào mặt túi bụi. Cha tôi vừa đi vừa chém những cành tre ngã xuống đường để dọn một lối đi. Gai tre ở dưới chân, ở hai bên, ở trên chia xuống đầu. Mọi người cứ nhắm mắt lại mà bước phứa đi. Cả nhà giá lạnh, chân tay tê dại. Gai đâm vào chân cha mẹ, gai cào rách áo, rách vai cả nhà. Mẹ tôi chúi người đi, năm, bảy lần suýt ngã. Khi đến được nhà ông nội tôi, cả nhà đều kiệt sức, không ai nói được nên lời nữa. Bà ngoại tôi vội vàng đốt một đống lửa to cho chúng tôi sưởi... Tất cả ở lại nhà ông bà ngoại cho đến sáng hôm sau. Chiều hôm đó, gió ngớt. Để hai con ở nhà ông bà, cha mẹ về được chứng kiến nhà đã đổ sụp xuống. Cây cối trong vườn chẳng còn gì. Giàn trầu không bị gió đập tan nát... Cha mẹ tôi lại đi vay nợ mua nhà, và lần mua nhà này được cha tôi mô tả như sau:

... “Kẻ bán nhà là một kẻ nhiều công nợ. Anh ta góa vợ, anh ta phải nuôi hai đứa con thơ dại. Anh ta mới lại thua xóc đĩa... nợ người ta đòi rất quá... Anh ta tìm tôi và bảo thế này: - Tôi nghe nói: chú định làm nhà. Làm nhà tre bây giờ cũng phải hai trăm đồng bạc. Chú cố gắng lên chút nữa, tôi để cái nhà gỗ nhà tôi cho.

- Bao nhiêu thì bác bán?

- Ba trăm, đúng.

Cái giá này hơi lắm. Thấy hẳn thật thà, tôi á ngại. Tôi hỏi hẳn:

- Bác bán đi làm gì?

- Chẳng làm gì sất. Tôi chót thua cay quá. Chết thì chết, tôi cũng còn phải gỡ...

À! Nếu vậy thì tôi chưa lấy chi làm liều. Vay nợ lãi mà mua nhà là một cái liều bắt buộc. Bán nhà đi gỡ bạc mới là cái liều thực mạng... Thành thực hay giả trá, tôi đã khuyên kẻ liều lĩnh kia:

- Tôi tưởng bác không muốn ở nhà, hoặc cần tiền buôn bán nên mới bán nhà, chứ nếu chỉ bán để đi đánh bạc thì tôi can bác. Vào chiếu bạc, khó mà biết trước, tôi chỉ sợ gỡ chẳng được, bác lại bậm vào mãi thì sao?

- Không có lý nào như vậy... tôi biết tiền chú sẵn, có thể xếp cho tôi chóng vánh. Nếu như không muốn lấy thì để tôi bán cho người khác...

Tôi chạy ngược, chạy xuôi. Chỗ thì lãi năm phân, chỗ thì lãi sáu phân. Cùng quá tám phân cũng lấy liều. Chỉ hôm sau là tôi đã có đủ ba trăm bạc... Tôi trao tiền cho hắn. Vợ tôi đi mượn thợ để ngày mai dỡ nhà..."

Gia cảnh chúng tôi đã khốn khó, nhưng gia cảnh người bán nhà còn thảm hại hơn. Khi cha tôi đưa thợ đến dỡ nhà thì ông chủ đang nằm thườn trên một cái giường tre, chiếu rách và bẩn thỉu. Đứa con ông ngồi ngay dưới đất, ôm lấy cái chân giường và rên. Nó đau bụng từ sáng. Con chị vừa lau quạu vừa đấm lưng cho em thùm thụp. Cha tôi nói với ông chủ nhà:

- Bác làm ơn cho tôi dọn đồ đạc ra để người ta dỡ...

Ông cười chua chát:

- Đồ đạc có gì mà dọn? Chỉ có cái giường này. Cứ quăng bố nó ra ngoài kia cho tôi, rồi dỡ đi.

Nói xong ông đứng dậy bảo các con:

- Chúng mày cũng đứng lên. Sang nhà bác Vi nằm nhờ (bác Vi là hàng xóm của ông).

Con chị quát tháo, gắt gỏng với em một lúc mới léch thếch công nhau sang nhà hàng xóm và một lúc sau, cha tôi nghe vẳng lại tiếng con chị khóc nức nở, hờ mẹ:

- Mẹ ơi!...

Cha tôi diễn đạt tâm trạng của Người lúc đó như sau:

“Tim tôi động một cái, giống như bước hụt. Rồi nó đập loạng choạng. Tôi hơi lảo đảo... Tôi ác quá! Tôi ác quá!...”

Rồi đây hồi hận sẽ tỏa một bóng đen vào trong cái nhà mới của tôi, rộng rãi và sạch sẽ hơn cái trước. Những chiều đông lạnh lẽo một con thạch sùng nắp trên một cái xà ngang, sẽ tắc lưỡi nhắc cho tôi biết: tôi ác quá! Tôi ác quá!”

Vào dịp này cha tôi và nhà văn, nhà thơ Phạm Lê Văn (tức Thọ Rền) đã khá thân nhau. Hai người quen nhau từ ngày cha tôi còn đi học, cha tôi hơn ông Lê Văn khoảng năm sáu tuổi nên khi cha tôi ra trường thì ông mới vào. Tuy tuổi tác chênh lệch, nhưng hai người vẫn rất thân thiết. Cha tôi thường đến nhà ông Lê Văn chơi, còn nhờ cả địa chỉ của ông để nhận thư từ, phiếu lĩnh măng-đa. Ông Lê Văn kể: khi cha tôi đến chơi nhà ông, mọi người trong nhà đều thân mật gọi Người là cậu giáo. Cứ vừa nhìn thấy cha tôi, chị gái ông Văn đã bảo: “Mời cậu giáo lên nhà chơi với em nó.” Sở dĩ như vậy vì cha tôi rất sượng sùng, lúng túng khi có người nhắc đến tên văn sĩ của mình. Cho dù chưa kêu tên ấy mà chỉ nhắc đến chuyện văn chương

trước đông người, cha tôi đã đổ mặt... Rồi ông kể: một lần, ông đi cùng cha tôi đến nhà dây thép. Trên đường đi, cha tôi tâm sự: “Từ quê cuộc bộ ra đây, mình chỉ mong nhận được ba chục bạc, bí quá! Sau trận bão, vườn tược hoa màu mất hết. Đói to!”. Ông Văn nói tiếp: Hè năm 1941, cha tôi dạy lớp nhất, lớp nhì ở trường tư thục Kỳ Anh Thái Bình. Người trọ ở nhà ông Từ Ngọc Liên bán thuốc cao đơn hoàn tán ngoài phố Julespiquet Thái Bình. Một hôm ông đến chơi, cha tôi vừa viết xong truyện “*Lang Rận*”. Hai người ngồi trên gác xép nhà ông chủ trọ. Cha tôi đưa ông đọc bản thảo, đó là lần đầu tiên, ông đọc bản thảo viết tay của cha tôi. Sau đó, cha tôi nói với ông về rèn luyện văn chương. Khi ngồi nghe cha tôi nói, ông chợt nhớ đến lời nhận xét của cụ thân sinh ra ông về cha tôi: “Cậu Tri, giàu lòng thương người mà cả nghĩ lắm! Sống chẳng lúc nào được tĩnh tâm, hậu vận vất vả”. Ông Lê Văn còn bảo: “Anh Nam Cao nghĩ điều gì không phải vào lúc ban đêm thì sáng ra ân hận ngay, rồi buồn bực, anh rụt rè, lúng túng trước đám đông, trong khung cảnh sang trọng...Nói là cho đến nay mới hiểu được con người và văn tài Nam Cao. Kỳ thực, tôi cũng chỉ mới cảm thấy tư cách nhà văn của anh, văn tài anh vĩ đại lắm! Không dễ gì một thời được mấy Nam Cao.” Đó là những nhận xét về

chân dung cha tôi của nhà văn nhà thơ Thọ Rèn. Còn đây là một vài nhận xét về cha tôi của Vũ Bằng. So với cha tôi, nhà văn Vũ Bằng là người đi trước, là bậc đàn anh trong sự nghiệp văn chương. Khi nhà văn Vũ Bằng đã là thư ký tòa soạn *Tiểu thuyết thứ bảy* thì cha tôi vẫn còn lặn lội đến hết nhà xuất bản này đến tòa báo kia để gửi bài và mong chờ được in. Ông Vũ Bằng đã kể về lần đầu tiên ông gặp cha tôi tại nhà riêng khi Người đã có khoảng mười tác phẩm được đăng tại tòa soạn của ông như sau... “ Anh đi thẳng vào nhà tôi, áp úng tự giới thiệu. Cảm giác đầu tiên của tôi sau buổi gặp gỡ này là Nam Cao là một người hiền lành, chân thật và nhũn nhặn. Anh không nói một tý gì đến các truyện của anh, chỉ hỏi thăm qua quýt về các anh em và nói chuyện dăm câu về báo chí. Thế rồi thôi, anh ngồi sì ra đấy thỉnh thoảng lại nhấp một tý nước trà, có lẽ không phải vì anh muốn uống nước. Nhưng uống để “làm một cái gì” để cho đỡ cảm giác là tay chân mình thừa...”

“... Ngày một ngày hai, đi sâu với Nam Cao hơn, tôi biết anh là một nhà văn nghèo túng còn hơn cả Vũ Trọng Phụng...”. Rồi ông Vũ Bằng bảo: Khi hỏi chuyện cha tôi, ông mới biết tất cả sự sinh sống của gia đình chúng tôi chỉ trông vào giàn trâu không. Rồi ông thắc mắc: Làm thế nào mà sống

được với một giàn trầu... Nhưng ông nhận xét rằng cha tôi khắc hẳn với đa số văn hữu, hề không có tiền thì kêu khổ âm ỉ trên khắp các mái nhà. Cha tôi không thấy lúc nào thềm than rằng mình khổ và cũng không đưa ra một ý kiến cay cú nào mà cứ lịm đi. Ông bảo: Tâm lý đó đã vẽ lên rất rõ rệt trong chuyện ngắn “*Cười với trăng*” của cha tôi. Ông tả nội dung câu truyện là: Một anh chàng trí thức kiếm không ra tiền, về nhà bị vợ day dứt, bị con dày vò, anh ta nằm thừ ra một mình nhìn lên trời. Anh ta “lịm” đi nhìn mặt mình trên trời rồi bật cười - cười lẩn, cười lộn đến nỗi cả nhà không còn hiểu ra sao nữa...

Vào những năm gia đình tôi khốn khó như nhà văn Vũ Bằng miêu tả, cha mẹ tôi cũng mới chỉ có hai con: Tôi gần năm tuổi, Mai Thiên một năm. Mẹ tôi, thuê chị Thảo hơn tôi sáu tuổi để bế em Thiên cho mẹ đi làm. Hàng ngày chị Thảo bế em rong chơi khắp xóm, tôi theo chị như hình với bóng. Ngày ngày cha tôi ngồi trong buồng viết văn. Đã thành lệ, cứ chiều chiều khi cha tôi ra ngoài để chuẩn bị đi tắm, Người gọi tôi lại vuốt ve tóc tôi, nói với tôi vài câu và nhìn tôi với ánh mắt yêu thương. Những hôm có trăng, cha tôi xách hai cái ghế ra sân. Cha ngồi một cái, cho tôi ngồi một cái. Cha tôi gác chân lên ghế của tôi, rồi Người hỏi tôi

đủ chuyện. Tôi kể luyện thuyên với cha: chuyện mẹ, chuyện em, chuyện đi chơi với chị Thảo, chuyện con chó mới đẻ của nhà hàng xóm... Nói chán mọi chuyện tôi ngửa mặt lên trời đếm sao: “*Một ông sao sáng, hai ông sáng sao...*” Cha tôi ngồi nghe sung sướng, mỉm cười thật dịu dàng. Rồi cha bế tôi sang ghé cửa Người, vuốt tóc và hôn tôi... Cảnh nhà nghèo cha mẹ chỉ cơm rau mắm. Nhưng bao giờ, mẹ cũng giành cho tôi một chút thức ăn riêng: vài miếng thịt, khúc cá kho, một quả trứng gà hay thanh đậu phụ. Nhưng cái hạnh phúc nhỏ nhoi đó cũng không duy trì được lâu. Sau khi làm nhà mới xong, công nợ nhiều quá, lãi mẹ đẻ lãi con. Mọi thứ ngày càng đắt đỏ: gạo, vải, giấy cái gì cũng khan hiếm. Việc in sách của cha tôi cũng ngày một khó khăn hơn, khiến cha mẹ tôi sốt ruột. Tính mẹ tôi nóng nảy, Người không kiềm chế được nên cau có suốt ngày. Truyện “*Bài học quét nhà*” của cha tôi ra đời trong hoàn cảnh đó. Cái con bé chưa đầy năm tuổi, cầm cái chổi chưa vững, bị mẹ vừa quát mắng vừa lôi đi xềnh xệch và luôn ra vườn chơi với cây xoan, cây chuối... chính là tôi đó. Cha tôi không cường điệu thêm và dùng tên thật để viết. Với một tình thương da diết thế này. “... *Người bố chỉ lặng lẽ nhìn tất cả tấn bi kịch đang diễn ra trước mắt. Ý thấy lòng đau quặn quặn. Cả một lúc kia*

đưa con gái ngược đôi mắt giàn giụa nước lên nhìn bố, như cầu cứu. Y quay mặt đi, giả tảng không nhìn thấy. Nhưng suốt buổi chiều hôm ấy, y buồn bã... y cũng vào phòng viết, ngồi như thường lệ nhưng y không viết được. Y nhìn qua cửa sổ... trong một góc vườn đứa con gái thơ thẩn giữa những cây chuối, cây xoan, cây bưởi... Nó có vẻ buồn bã thêm. Ba bốn lượt, nước mắt y rỏ xuống...". Cha tôi là vậy, tình cảm kín đáo, tính trầm, ít khi bộc lộ. Còn mẹ tôi ngược lại nóng như lửa. Cha tôi từng mô tả sự nóng nảy của mẹ tôi như thế này:

"... Hồng quét. Nhưng nó ẩn cái chổi xuống nhà quá. Cái chổi không đưa đi được... Người mẹ giận chặt hai hàm răng lại, rít lên:

- Giời ơi là giời! Con với cái! Chơi quen rồi!

Hồng ghen cổ. Nó ngừng quét, ngược lên nhìn mẹ, đôi mắt ầng ậ nước... Mẹ nó càng điên tiết. Thị vùng đứng dậy chỉ vào mặt nó:

- Mà đứng đấy à? Mà có quét ngay không thì chết với tao bây giờ. Quét đi!...

Hồng quét. Nhưng nó vẫn lơ rờ lúng túng... Người mẹ thấy khắp người ngứa ngáy... thị tức tối đập tay vào đùi mình đánh đét. Hồng giật mình, đánh rơi cái chổi. Ấy thế là đét!... Thêm cái nữa. Lần này thì cái bàn tay dán vào một bên má búp bê của con bé...". Mẹ tôi là như vậy, nhưng cha tôi

lại thế này. Một hôm trời mưa tầm tã, Mai Thiên rất muốn đi chơi, nhưng mưa không đi được. Cậu ta kiếm có vôi ăn và khóc rất dai. Mẹ tôi sốt ruột không chịu được, bỏ ra khỏi nhà, để mặc ba cha con ngồi với nhau. Thấy Thiên khóc mãi không nín, cha tôi cười rồi đưa hai tay lên tai, cứ bịt tay vào, rồi bỏ tay ra. Làm liên tục như thế một lúc, Người bảo tôi: “*Hồng ơi! Làm thế này thích lắm, nghe tiếng khóc hay lắm! Con cứ làm thử xem*”. Rồi cha bảo Mai Thiên “*Con cứ khóc nữa đi nhé! Bao giờ không khóc nữa ra đây cậu đọc thơ cho nghe*”. Quả nhiên, Thiên chỉ khóc một chút nữa, rồi chạy sang chỗ cha tôi ngồi và bảo: “*Con không khóc nữa đâu, cậu ơi*”. Cha bảo: “*Thế cậu đọc thơ cho con nghe nhé!*” Rồi cha tôi cất tiếng:

*“Vắt tay nằm nghĩ sự đời
Bực mình muốn hỏi ông trời xem sao?
Một mình cưỡi gió bay cao,
Vén mây tìm được lối vào thiên cung
Hỏi rằng: “Trời có nhà không?
Mời ra mà nói chuyện cùng ta đây”
Nghe lời trời chạy ra ngay
Trời trừng con mắt hỏi: “Mày muốn chi?”
“Thưa ông! Tôi là Hữu Trì”
Trời bảo: “Ừ tốt, thế thì vào chơi”*

*Khoác tay đi với ông trời
Hỏi trời: “Sao lại bắt tôi nghèo hèn?
Ngày nay kinh tế lèm nhèm
Lấy gì cho đủ đua chen với người
Nào tôi có phải thằng lười
Ăn xong rồi lại ngồi rồi như ai...”*

Vì cũng sau bài học “quét nhà” ít hôm, cha tôi cho tôi đến làm học trò cưng của thầy Phấn (như tôi đã kể ở trên). Nhưng sau gần một năm đi học ở trường, chữ của tôi chẳng được bao nhiêu. Năm 1944 tôi gần sáu tuổi, cha tôi kèm tôi học ở nhà. Thường ngày thì cha tôi hiền lắm, nhưng lúc dạy học, cha tôi rất nghiêm. Bắt đầu, là Người vạch ra một lịch học, rồi dặn tôi phải thực hiện nghiêm ngặt, đúng giờ giấc. Một hôm, tôi đang học thì bà nội tôi đến chơi. Bà mang cho hai cháu cái bánh đa, vài dóng mía trâu chặt ở vườn nhà bà, mấy quả ổi chín vàng ươm, nhìn thấy mà thèm. Lúc đó Mai Thiên đã sà vào lòng bà rồi. Bà không biết tôi đang học nên gọi: “Hong đâu? Ra đây bà cho quà nào!”. Tôi nhấp nhồm định chạy lại chỗ bà. Nhưng cha tôi nói với bà: “Bà để cháu học xong bài đã ạ”. Tôi nem nép ngồi học mà mắt lại cứ liếc sang bà. Cha tôi nhìn thấy, Người nghiêm khắc nhắc ngay: “Hong! Chú ý vào học xong đi con”. Thế là tôi không dám nhúc nhích nữa, cúi xuống học một mạch xong bài,

mới chạy ra chơi với bà. Bài học cha tôi dạy, Người thường lấy những việc xảy ra ở xung quanh nhà để cho tôi dễ hiểu. Chẳng hạn cha tôi cho tôi tập chép một bài:

*“Cô Trinh với cô Trạch
Ăn cơm với chạch kho...”*

Cô Trinh, cô Trạch là hai cô ruột của tôi mà!

Cha tôi kèm trong vòng một tháng, tôi đã đọc được, viết được. Năm sau tôi đến trường học thêm cô Phượng vài tháng nữa. Sau đó là nạn đói, là chiến tranh loạn lạc tôi bỏ học một mạch. Mãi đến năm 1953, sau khi cha tôi hy sinh, thực hiện lời nguyện ước của cha tôi khi Người còn sống, mẹ tôi cho tôi đến trường học thêm được bốn năm nữa là tôi bỏ học hẳn để đi làm. Sau này trong quá trình vừa làm tôi vừa học thêm đến tốt nghiệp đại học một ngành kỹ thuật.

Mẹ tôi sinh con thứ ba vào năm 1944. Em Trần Bình Yên nhưng vừa tròn một tuổi em đã vĩnh viễn rời bỏ chúng tôi. (Chuyện tôi đã kể ở trên).

Vào những ngày trước cách mạng tháng Tám năm 1945, hoàn cảnh thúc đẩy cha tôi đến với cách mạng, được nhà văn Nguyễn Đình Thi mô tả như sau: *“Chiến tranh trở nên ác liệt, xã hội Việt Nam lay chuyển. Đời sống cùng khổ đến kinh khủng. Những người chết đói nằm la liệt ngoài hè phố.*

Người chưa chết hẳn bị đẩy xuống hố cùng với xác chết cho tiện chuyển chôn. Nạn đói lan tới bè bạn Nam Cao, đe dọa bản thân anh. Vợ anh viết thư cho anh: Con Hồng thằng Thiên ăn cháo hơn một tháng nay rồi. Ba hôm nữa cháo cũng không có mà ăn. Trông thấy chúng nó cứ lả dần, em đứt ruột...”

“Nhưng giữa cảnh tượng như tuyệt vọng ấy. Nam Cao đã đọc “Đề cương văn hóa của Đảng cộng sản Đông Dương” và hoạt động trong Hội Văn hóa cứu quốc, học chương trình huấn luyện Việt Minh. Giữa cảnh chết chóc ghê gớm chưa từng thấy, anh trông rõ sự sống đang trào lên vũ bão”...

Chính vào năm 1943 đây thử thách đó, cha tôi cùng các nhà văn Tô Hoài, Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi gia nhập nhóm văn hóa cứu quốc bí mật, rồi sau đó là phong trào mặt trận Việt Minh tại quê nhà. Do đã có ít nhiều kinh nghiệm khi hoạt động ở Hà Nội, cha tôi cùng với anh em đồng chí, bàn bạc để giữ bí mật, tránh lộ liễu gây tổn thất cho phong trào cách mạng ở quê nhà. Lần về vào tháng 5 năm 1945 cha tôi không đi nữa mà ở lại làng cùng các đồng chí cán bộ tiên khởi nghĩa trên quê hương chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa. Khi cách mạng bùng nổ, cha tôi cướp chính quyền ở phủ Lý Nhân. Cùng hoạt động với cha tôi có nhiều đồng chí khác trong đó chú Hiến

là một nhân tố nòng cốt (chú Hiến khi đó là bạn của cha tôi, ở làng, sau này trở thành em rể của Người) hiện được công nhận là lão thành cách mạng. Chú rất vui tính, sau này nhiều lần chú kể chuyện về cha tôi thế này: Hôm ra mắt chính quyền mới, cha tôi được giao chuẩn bị bài diễn văn rồi tự đọc trước cuộc mít tinh để tuyên truyền cách mạng. Người viết rất súc tích và diễn thuyết cũng hùng hồn, truyền cảm. Nhưng mặt và hai tai thì đỏ bừng lên, khiến mọi người phải bật cười. Lúc đó cha tôi làm chủ tịch xã Nhân Hậu (quê tôi) và sinh hoạt trong tổ chức Đoàn Thanh niên Dân chủ (tiền thân của Đoàn Thanh niên Cứu quốc) do chú Hiến làm bí thư.

Trong những ngày ấy, không khí trên quê tôi thật là sôi động. Những buổi tối, thanh niên nam nữ ra đường tập gậy. Thiếu niên, nhi đồng tụ tập hát hò. Lớp bình dân học vụ bắt đầu tiếng giáo viên choang choang giảng bài và tiếng học trò râm ran... Cha tôi rất bận, hết lên phủ lại về xã. Rồi khai hội, mít tinh, diễn thuyết lại họp hành. Mẹ tôi có mang lần thứ tư. Lần này mang thai mẹ ốm kịch liệt. Suốt ngày nằm bẹp, không làm được gì, cũng không ăn được cơm. Cả ngày mẹ chỉ nhắm nháp một chút cháo nấu cả hạt gạo (cho chút nước sôi vào) gọi là bánh đúc hột. Tôi gần bảy tuổi, lo mọi việc vặt trong nhà và chăm mẹ ốm.

Từ khi cướp chính quyền đến giữa năm 1947, cha tôi vừa hoạt động trong Hội Văn hóa cứu quốc ở Hà Nội, có lúc làm thư ký tạp chí "*Tiên phong*" vừa tham gia công tác ở Ty Văn hóa Hà Nam, làm chủ bút tờ "*Xung phong*" tờ báo của Đoàn Thanh niên Cứu quốc tỉnh Hà Nam. Sự kiện này được nhà báo Đinh Mạnh Thoại kể lại như sau: "... Để phục vụ nhiệm vụ chính trị của mặt trận Việt Minh, Đoàn Thanh niên cứu quốc cần có tờ báo. Ông Phạm Văn Lịch - Thường vụ Đảng bộ tỉnh, kiêm Bí thư thị xã Phủ Lý, được giao làm Bí thư Đoàn Thanh niên Cứu quốc tỉnh. Lực lượng Đoàn rải rác khắp tỉnh, phương tiện thông tin thô sơ và thiếu thốn... Làm sao để phổ biến chính sách của Việt Minh, thông tin các nghị quyết của đoàn cùng các hoạt động Đoàn ở những cơ sở có thành tích? Tỉnh đoàn chủ trương ra báo. Tên gọi "*Xung phong*" là đúng tính chất hoạt động của Đoàn. Đạo ấy, không có kinh phí công trợ, con đường tốt nhất là vận động quần chúng mua báo rồi lấy tiền bán báo nuôi báo. Tùy theo kinh phí thu được mà mua giấy rồi in, cán bộ làm báo cũng không có lương, người thì dựa vào cha mẹ cho ăn, người ở xa quá hoặc gia đình túng bấn thì báo cơm tập thể để ăn. Mỗi bữa ăn tập thể được vài bát cơm, chủ yếu ăn với rau muống luộc, cá nhỏ kho mặn. Hôm nào gọi là ăn